

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2024

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng và bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST- HNGĐ ngày 26/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: KDC H, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: KDC H, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu dân cư H, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Vũ Thị P, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu dân cư T, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày như sau: Chị và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M vào ngày 04/3/2011. Sau khi kết hôn, thời gian đầu thì vợ chồng chị chung sống hoà thuận hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H mãi chơi, không chăm lo, để ý đến gia đình, không có trách

nhệm với gia đình, con cái, bố mẹ hai bên. Qua nhiều năm anh H được bố mẹ, vợ khuyên can nhưng anh H không thay đổi. Anh H vẫn chơi bời, nhà cửa không lo, có tài sản gì trong nhà anh H mang đi cầm ký, bán hết. Anh H đi làm nhưng không mang tiền về để nuôi con. Chị đã chịu đựng nhiều năm để mong muốn có một gia đình hoàn chỉnh cho con nhưng đến hiện tại vẫn không có tiến triển gì. Do vậy chị đi thuê nhà để ở riêng từ đầu tháng 12/2023. Chị đã suy nghĩ rất kỹ trong một thời gian dài và đi đến quyết định ly hôn để giải thoát. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Phạm Nhật H, sinh ngày 18/11/2011; Phạm Nguyên H, sinh ngày 20/5/2014 và Phạm Linh A, sinh ngày 15/4/2021. Các con chung của anh chị hiện đang ở với chị. Nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm nghề kinh doanh bán quần áo, thu nhập trung bình 12.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra chị còn làm thêm công việc kế toán, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng. Chị xác định bản thân có đủ điều kiện để nuôi con. Hiện anh H cũng có nguyện vọng để cho chị nuôi cả 03 con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai đương sự, bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Về điều kiện kết hôn, anh trình bày như chị N trình bày nêu trên. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh tại khu H, phường M. Thời gian đầu anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng đến thời điểm hiện tại do công việc làm ăn buôn bán không hiệu quả nên vấn đề kinh tế chi phối gia đình, nảy sinh mâu thuẫn. Vì vậy vợ chồng thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại gây ra hiểu lầm. Gần đây vợ chồng ít nói chuyện với nhau, có tức giận thì cãi nhau nhẹ, tình cảm giảm sút. Anh đã khuyên nhủ chị N để mong cùng tháo gỡ nhưng chị N vẫn kiên quyết làm đơn ly hôn anh. Anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị N và không muốn việc ly hôn ảnh hưởng đến các con.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị N khai trên. Nay anh chưa muốn ly hôn nên chưa có quan điểm về việc nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của người làm chứng:

+ Bà Vũ Thị P là mẹ kế của chị Ngô Thị N trình bày: Chị Ngô Thị N và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau năm 2011 và đã có 03 con chung. Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh H có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không chịu khó làm ăn, mãi chơi dẫn đến nợ nần nhiều năm nay không giúp đỡ gì được cho vợ con. Nhiều năm nay thường xuyên có người đến đòi tiền. Có đồ đạc gì trong nhà bán được anh H đều mang đi bán lấy tiền để trả nợ, chơi bời. Từ đó hai vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã khuyên bảo anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Chị N đã hai lần bỏ về gia đình bà ở vì không chịu được nhưng sau đó

gia đình và anh H đã động viên nên chị N lại quay về chung sống cùng anh H nhưng mâu thuẫn lại xảy ra và vẫn do nguyên nhân cũ. Do vậy lần này chị N đã quyết định làm đơn xin ly hôn anh H. Nay bà đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

+ Bà *Bùi Thị H* là mẹ đẻ của anh *Phạm Văn H* trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh H và mẹ chồng của chị N. Sau khi kết hôn anh H và chị N về nhà vợ chồng bà ở tại H, M. Đến khoảng năm 2018 - 2019 vợ chồng anh chị làm nhà ra ở riêng ngay cạnh nhà của vợ chồng bà (Nhà làm trên đất của vợ chồng bà). Tình cảm anh chị ban đầu hạnh phúc. Trong quá trình chung sống anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn khoảng 01 năm nay do anh H vương vào chơi cờ bạc. Bà cũng đã phải trả nợ cho anh H một vài lần. Ngoài ra, chị N cũng mượn tiền bà để trả nợ cho anh H. Gia đình đã khuyên bảo anh H thay đổi, anh H đã hứa thay đổi làm lại cuộc đời nhưng anh H chưa trả nợ xong chị N đã nộp đơn ly hôn. Chị N cũng đã 02 lần bỏ nhà đi nhưng sau đó lại trở về sinh sống với anh H. Nay chị N xin ly hôn anh H gia đình bà hoàn toàn không muốn việc đó xảy ra. Đề nghị Tòa án để 2 anh chị đoàn tụ. Bà đã khuyên chị N cố gắng chịu đựng để nuôi 03 con nhưng chị N đã dọn dẹp đồ đạc đi từ 14/11/2023 đến nay, thuê nhà ở chỗ khác. Về con chung, anh chị có 03 con chung hiện đang cùng chị N. Nếu anh H và chị N ly hôn, bà thấy chị N nuôi 03 cháu, anh H không muốn tách 03 cháu ra. Mặt khác, anh H muốn tập trung làm ăn để trả nợ. Bà đề nghị toà án xem xét theo nguyện vọng của anh chị để giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị có 01 căn nhà 2 tầng làm trên đất là của vợ chồng bà.

- **Tại Biên bản xác minh, trưởng khu dân cư H, phường M, thị xã K cung cấp:** Anh H và chị N tự do tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M (nay là phường M) vào năm 2011 và được 2 gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh H và chị N làm ăn sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh H. Trong quá trình sinh sống khoảng 1 năm nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do anh H mãi chơi, cờ bạc. Việc mâu thuẫn của anh H đã được gia đình khuyên nhủ nhưng anh H chưa trả nợ xong chị N đã xin ly hôn. Nay yêu cầu Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của 2 anh chị và quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị N giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn anh H. Về con chung, chị xin được nuôi cả 03 con chung vì thực tế những năm qua chị hoàn toàn phải nuôi con, anh H không có trách nhiệm gì với gia đình, con cái. Nay chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Phạm Văn H.

- *Về con chung*: Giao cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 18/11/2011, cháu Phạm Nguyên H sinh ngày 20/5/2014 và Phạm Linh A, sinh ngày 15/4/2021 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết

- *Về án phí*: Chị Ngô Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn). Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn H nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Chị Ngô Thị N và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký vào ngày 04/3/2011 tại UBND phường M, thị xã K. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo chị N trình bày, sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H mãi chơi, không có trách nhiệm với gia đình, con cái, bố mẹ hai bên. Gia đình bố mẹ, vợ đã khuyên can nhưng anh H không thay đổi. Anh H mang tài sản trong nhà đi cầm ký, bán hết. Anh H đi làm nhưng không mang tiền về để nuôi con. Chị đã chịu đựng nhiều năm để giữ hạnh phúc gia đình và muốn tốt cho con nhưng đến hiện tại chị không thể chịu đựng được thêm nên quyết định ly hôn để giải thoát. Anh H xác định: Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, hoà thuận nhưng đến thời điểm hiện tại do công việc làm ăn buôn bán không hiệu quả nên vấn đề kinh tế chi phối gia đình, nảy sinh mâu thuẫn. Vì vậy vợ chồng thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại gây ra hiểu lầm. Anh đã khuyên nhủ chị N để mong cùng tháo gỡ nhưng chị N vẫn kiên quyết làm đơn ly hôn anh. Anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị N và không muốn ảnh hưởng đến các con. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng, chị N và anh H sau khi kết hôn đã chung sống hòa thuận được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H làm ăn, buôn bán không hiệu quả, có chơi bời dẫn đến nợ nần, không

có tiền mang về gia đình lại còn mang tiền của gia đình đi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không khắc phục được mà còn trầm trọng thêm. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng không còn biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy cần xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Phạm Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung là cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 18/11/2011, cháu Phạm Nguyên H sinh ngày 20/5/2014 và Phạm Ninh A, sinh ngày 15/4/2021. Các con chung của anh chị đang ở cùng chị N. Chị N có quan điểm xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung. Anh H không có ý kiến về việc nuôi con. Xét nếu giao cả 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ gây khó khăn cho cuộc sống của chị N và các con. Tuy nhiên anh H không có ý kiến về việc nuôi con. Mặt khác cháu H và cháu A đều có nguyện vọng xin được ở với chị N. Cháu A mới trên 02 tuổi. Xét chị N có thu nhập, có chỗ ở; bà P (mẹ kế chị N) cũng cam kết sẽ hỗ trợ chị N trong việc nuôi con. Ngoài ra chị N và bà H (mẹ đẻ anh H) đều xác định anh H cũng muốn để cho 03 con được ở cùng nhau. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cả 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Yêu cầu này của chị N phù hợp với pháp luật cũng như điều kiện, khả năng cấp dưỡng của anh H nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị N.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn). Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con chung) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phạm Nhật H sinh ngày 18/11/2011, cháu Phạm Nguyên H sinh ngày 20/5/2014 và cháu Phạm Linh A, sinh ngày 15/4/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị N, mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian giao

nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không chịu thi hành án thì anh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000021 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị N đã nộp đủ án phí. Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con).

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết